

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Vật tư thiết bị phục vụ công tác địa vật lý/Комплектующие изделия для обслуживания работ по проведению геофизических исследований

SỐ ĐHXN - № заявки: 90.XDVL-0064/26-TVT

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ						
Nhóm I: Len bắn mìn và định tâm các loại/Лента для перфораторов и Резиновые центраторы						
1.1	004.002.01094	Len bắn mìn dùng cho súng F89 - Лента перфорации Ф89	- Len được chế tạo bằng thép ống đúc liền định hình Ø49mm, chiều dài theo yêu cầu (gồm các loại sau: 4m, 6m, 8m), dày 1.5mm có gia công các lỗ lắp đạn xoắn theo chiều dài với mật độ từ 20 lỗ/1m; Vật liệu: thép SS400;- Đường kính lỗ lắp đạn Ø45x11mm (theo mẫu đạn đang sử dụng);	Metre	1.300,00	
1.2	004.003.00001*	Len bắn mìn dùng cho súng Ø73/	Len được chế tạo bằng thép ống đúc liền định hình Ø49mm,dày 1.5mm có gia công các lỗ lắp đạn xoắn theo chiều dài với mật độ từ 20 lỗ/1m; Vật liệu: thép SS400; - Đường kính lỗ lắp đạn Ø45x11mm Лента изготовлена из бесшовной стальной трубы Ø49 мм, длина по запросу толщиной 1,5 мм, на которой пробиты отверстия для зарядов, расположенные по спиральной линии с плотностью 20 отвер./м; Материал: SS400 сталь -Диаметр отверстия для зарядов Ø45x11мм"	Metre	270,00	
1.3	004.002.00086*	Len bắn mìn dùng cho súng Ø114 /	Thép ống cán định hình Ø59, khoan các lỗ lắp đạn bắn mìn, mật độ 16 viên/m. Đường kính lỗ lắp đạn Ø54x12mm - Định tâm Ø60 giới hạn hai đầu - Làm việc trong môi trường giếng khoan, nhiệt độ 180°C, áp suất 600at; - Vật liệu: thép SS400; - Лента изготовлена из бесшовной стальной трубы Ø59 мм, на которой пробиты отверстия для зарядов, расположенные по спиральной линии с плотностью 16 отвер./м; - Работа в скважинах, 180°C, 600ат; - Материал: SS400 сталь	Metre	630,00	
Nhóm 2: Đầu nối và phụ kiện/Разъемы и аксессуары						
2.1	114.008.00009*	Crossover chuyển tiếp cho Turn Around Sheave NOV đến GICH Exwell	- Kích thước ren tiêu chuẩn: 4.75''-4Acme (SD 3.75'') Bowen Box đến 2''-6Acme Pin (ID : 19mm). - Vật liệu : AISI-4140/ -Стандарт резьбы: 4.75''-4 Acme (SD 3.75'') Bowen Box → 2''-6 Acme Pin (ID: 19 мм)	Pce	1,00	

			- Материал: сталь AISI- 4140			
2.2	114.008.00010*	Nút bịt thử áp suất cao cho Turn Around Sheave hãng NOV	Kích thước ren tiêu chuẩn: 2''-6Acme Pin (Ren ngoài ; dùng O-ring ngoài size 130). - Vật liệu : AISI-4140 Стандарт резьбы: 2''- 6 Acme Pin (наружная резьба, O- ring размер 130). - Материал: сталь AISI- 4140.	Pce	1,00	
2.3	114.008.00011*	Nút bịt thử áp suất cao cho Turn Around Sheave hãng Exwell/	Kích thước ren tiêu chuẩn 2''-6Acme Pin (Ren ngoài) -Vật liệu : AISI-4140 -Chiều cao tổng thể : 150mm. Стандарт резьбы: 2''- 6 Acme Pin (наружная). - Материал: сталь AISI- 4140. - Общая высота: 150 мм. - Свойства: высокая прочность	Pce	1,00	
2.4	003.039.00013*	Dụng cụ kẹp ống Lubricator treo Turn Around Sheave	Bộ Kẹp ống Lubricator khi làm việc với Turn Around Sheave cho 2 loại ống 2.5 inch và 3 inch. - Vật liệu : thép cứng dày 8mm và 10mm Комплект зажимов для работы с трубами 2.5'' и 3'' - Размеры согласно чертежу - Материал: сталь. Толщиной 8 мм и 10 мм.	Set	2,00	
2.5	114.008.00012*	Crossover chuyển tiếp 8.375''-4Acme/	- Kích thước ren tiêu chuẩn: 8.375''-4Acme (SD 5.25'') Otis pin & collar đến 5.75''-4Acme (SD 4'') Otis Box. ID: 4''. - Vật liệu : AISI-4140 Резьба: 8.375''- 4 Acme (SD 5.25'') Otis Pin & Collar → 5.75''- 4 Acme (SD 4'') Otis Box; Внутренний диаметр: 4'' - Материал: сталь AISI- 4140	Pce	1,00	
2.6	114.008.00013*	Crossover chuyển tiếp 5.75''-4Acme/	Kích thước ren tiêu chuẩn: 5.75''-4Acme (SD 4'') Otis pin & collar đến 6.125''-4x2Acme (SD 4.75'') Elmal lightweight Box. ID : 4'' - Vật liệu : AISI-4140 - Chiều cao tổng thể : 400mm. Резьба: 5.75''- 4 Acme (SD 4'') Otis Pin & Collar → 6.125''- 4x2 Acme (SD 4.75'') Elmal Lightweight Box. Внутренний диаметр: 4'' - Материал: сталь AISI- 4140. - Общая высота: 400 мм.	Pce	1,00	
2.7	003.039.00014*	Nắp cầu BOP ren 4.75''/	- Đường kính ngoài: 135mm. - Kích thước ren theo tiêu chuẩn 4.75''-4Acme.(Nắp cầu ren trong loại 01 đầu mối). - Vật liệu thép CT45 - Размер по стандарту: 4.75''- 4 Acme. Однозаходная внутренняя резьба. - Наружный диаметр: 135 мм. - Материал: сталь CT45	Pce	2,00	

2.8	114.008.00014*	Chân ren Crossover 4.75"-4Acme/	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren theo tiêu chuẩn 4.75"-4Acme "BOWEN" Box. Loại ren ngoài 01 mỗi ren. - Đường kính lỗ trong chân ren: Ø98 - Chiều cao ren lắp: 90mm. - Размер резьбы по стандарту 4.75"-4Acme "BOWEN" Box, Однозаходная внутренняя резьба. - Внутренний диаметр отверстия: Ø98 мм. - Высота резьбовой части: 80 мм. 	Pce	2,00	
2.9	114.008.00015*	Chân ren Crossover 6.125"-4x2Acme/	<ul style="list-style-type: none"> Kích thước ren theo tiêu chuẩn 6.125"-4x2Acme "Light weight Elmar" Box. Loại ren ngoài 02 đầu mỗi. - Đường kính lỗ trong chân ren: Ø124 - Chiều cao ren lắp: 90mm. Размер по стандарту 6.125"-4x2Acme "Light weight Elmar" Box, двухзаходная наружная резьба - Внутренний диаметр отверстия: Ø124 мм. - Высота резьбовой части: 90 мм. 	Pce	2,00	
2.10	114.008.00016*	Chân ren Crossover 6.5"-4Acme/Резьбовая опора для Crossover (6.5"-4Acme)	<ul style="list-style-type: none"> -Kích thước ren theo tiêu chuẩn 6.5"-4Acme "OTIS" Box. Loại ren ngoài 01 mỗi ren. -Đường kính lỗ trong chân ren: Ø130mm. -Chiều cao ren lắp: 90mm. -Đế chân ren: Ø210mm, dày: 10mm. -Chiều cao tổng thể chân ren: 150mm. - Размер резьбы по стандарту 6.5"-4Acme "OTIS" Box, Однозаходная наружная резьба - Внутренний диаметр отверстия: Ø130 мм. - Высота резьбовой части: 90 мм. - Основание опоры: Ø210 мм, толщина 10 мм. - Общая высота: 150 мм. 	Pce	2,00	
2.11	004.002.01068	Đuôi đạn TTG-43 - Нижняя заглушка TTG 1-11/16" / Guide Nose TTG 1-11/16"	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước đường kính lớn nhất Ø43, tổng chiều dài cả chốt L= 90mm; Vật liệu: Gang cầu, chốt bằng đồng. - Làm việc trong môi trường giếng khoan, nhiệt độ 180oC, áp suất 600at. 	Pce	125,00	
2.12	004.004.00169*	Thanh lắp kíp TTG-43	<ul style="list-style-type: none"> Kích thước đường kính lớn nhất Ø30, tổng chiều dài cả chốt L= 190mm;. - Vật liệu: thép CT45 -Làm việc trong môi trường giếng khoan, nhiệt độ 180oC, áp suất 600at. Наружный диаметр Ø30, длина L = 190 мм. - Материал: сталь СТ5; - Работа в скважинах, 180°C, 600at 	Pce	50,00	
2.13	050.001.07081	Cây đóng côn HLS / инструмент конической головки машины HLS	<ul style="list-style-type: none"> - Cây đóng côn trong: đường kính lớn nhất Ø20, chiều dài L= 185; Lỗ suốt Ø7; - Cây đóng côn ngoài: đường kính lớn nhất Ø20, chiều dài L= 168; Lỗ suốt Ø9.5; - Vật liệu: thép 45, bề mặt đóng côn có độ cứng cao, chịu mài mòn. 	Set	5,00	

2.14	004.002.00058	Côn rửa cáp hai nửa (má đồng rửa cáp) / Медные колодки приспособления мытья кабеля	Loại L-5738 Core Lube USA	Set	10,00	
------	---------------	--	---------------------------	-----	-------	--

(*): New items



**LD VIỆT - NGA VIETSOVPETRO
XN ĐỊA VẬT LÝ GIẾNG KHOAN**

**YÊU CẦU KỸ THUẬT
VẬT TƯ THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐỊA VẬT LÝ**

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG VẬT TƯ:

- Phục vụ cho công tác khảo sát đo địa vật lý, bắn mìn, thử vỉa trên các giàn khoan.

2. ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT SỬ DỤNG VẬT TƯ:

- Tất cả các vật tư thiết bị phục vụ cho công tác khảo sát đo địa vật lý, bắn mìn, thử vỉa (gọi tắt là: vật tư thiết bị) phải đáp ứng được các yêu cầu làm việc trong điều kiện môi trường giếng khoan, áp suất và nhiệt độ cao.

3. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI VẬT TƯ:

- Tất cả các vật tư thiết bị phải phù hợp với các mô tả và đặc tính kỹ thuật.
- Hàng mới, chưa qua sử dụng, được sản xuất không trước năm 2025.
- Tất cả các vật tư thiết bị phải phù hợp và tương thích với các thiết bị hiện có đang sử dụng tại XN. Nhà thầu có thể đăng ký khảo sát các thiết bị hiện đang sử dụng tại XN nếu có nhu cầu.
- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày giao hàng.

4. TIÊU CHUẨN CHẾ TẠO:

- Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

5. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN CẤU TẠO:

- Tất cả các vật tư thiết bị phải phù hợp với các mô tả, đặc tính kỹ thuật như danh mục liệt kê dưới đây hoặc phải tương đương.
- Vật tư thiết bị cung cấp được coi là đáp ứng yêu cầu nếu chúng phù hợp các thông số kỹ thuật, kích thước, yêu cầu về vật liệu, nhiệt độ và áp suất môi trường làm việc.

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Đặc tính kỹ thuật
Nhóm 1- Len bắn mìn và định tâm các loại:			
1.1	Len bắn mìn dùng cho súng Ø89	M	- Len được chế tạo bằng thép ống đúc liền định hình Ø49mm, chiều dài theo yêu cầu (gồm các loại sau: 4m, 6m, 8m), dày 1.5mm có gia công các lỗ lắp đạn xoắn theo chiều dài với mật độ từ 20 lỗ/1m; Vật liệu: thép SS400;

			<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính lỗ lắp đạn Ø45x11mm (theo mẫu đạn đang sử dụng); - Len thành phẩm phải bảo đảm không bị xoắn, các lỗ không để lại ba vĩa, cạnh sắc; - Định tâm Ø70 giới hạn hai đầu, các bích trung gian đỡ thân len cách nhau 2m và cách hai đầu 2m; - Làm việc trong môi trường giếng khoan, nhiệt độ 180°C, áp suất 600at; - Kiểm tra thiết bị tại XN Địa vật lý GK.
1.2	Len bắn mìn dùng cho súng Ø73	M	<ul style="list-style-type: none"> - Len được chế tạo bằng thép ống đúc liền định hình Ø49mm, chiều dài theo yêu cầu (gồm các loại sau: 4m, 6m, 8m), dày 1.5mm có gia công các lỗ lắp đạn xoắn theo chiều dài với mật độ từ 20 lỗ/1m; Vật liệu: thép SS400; - Đường kính lỗ lắp đạn Ø45x11mm (theo mẫu đạn đang sử dụng); - Len thành phẩm phải bảo đảm không bị xoắn, các lỗ không để lại ba vĩa, cạnh sắc; - Định tâm Ø60 giới hạn hai đầu, các bích trung gian đỡ thân len cách nhau 2m và cách hai đầu 2m; - Làm việc trong môi trường giếng khoan, nhiệt độ 180°C, áp suất 600at; - Kiểm tra thiết bị tại XN Địa vật lý GK.
1.3	Len bắn mìn dùng cho súng Ø114	M	<ul style="list-style-type: none"> - Len được chế tạo bằng thép ống đúc liền định hình Ø59mm, chiều dài theo yêu cầu (gồm các loại sau: 3m, 6m) dày 2mm, có gia công các lỗ lắp đạn xoắn theo chiều dài với mật độ 16 lỗ/1m; Vật liệu: thép SS400; - Đường kính lỗ lắp đạn Ø54, đường kính lỗ kíp Ø12 (theo mẫu đạn sử dụng); - Len thành phẩm phải bảo đảm không bị xoắn, các lỗ không để lại ba vĩa, cạnh sắc; - Định tâm Ø93 giới hạn hai đầu, các bích trung gian đỡ thân len cách nhau 1,5m và cách hai đầu 1,5m; - Làm việc trong môi trường giếng khoan, nhiệt độ 180°C, áp suất 600at; - Kiểm tra thiết bị tại XN Địa vật lý GK.
Nhóm 2 - Đầu nối và phụ kiện:			
2.1	Crossover chuyển tiếp cho Turn Around Sheave NOV đến GICH Exwell	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren tiêu chuẩn 4.75''-4Acme (SD 3.75'') - Bowen Box đến 2''-6Acme Pin (ID : 19mm). - Vật liệu : AISI-4140 - Chiều cao tổng thể : 180mm. - Tính chất lý hóa : Cứng, chịu nhiệt độ cao, áp suất lớn, chống ăn mòn kim loại cho các khí CO2 và H2S. - Khoan lỗ 4xø 10mm xung quanh Collar xoay ren. (Khoan lỗ đối diện theo hình chữ thập) - Làm sạch và đánh bóng bề mặt, loại bỏ bavia góc cạnh.



			<ul style="list-style-type: none"> - Đóng tên lên bề mặt sản phẩm 4.75’’ BOX & 2’’-6 EXWELL PIN. - Xử lý bề mặt kim loại bằng phốt phát hóa, tăng tính chống ăn mòn và chống rỉ sét. - Tham khảo mẫu ren tại XN Địa vật lý.
2.2	Nút bịt thử áp suất cao cho Turn Around Sheave hãng NOV	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren tiêu chuẩn 2’’-6Acme Pin (Ren ngoài ; dùng O-ring ngoài size 130). - Vật liệu : AISI-4140 - Chiều cao tổng thể : 150mm. - Tính chất lý hóa : Cứng, chịu nhiệt độ cao, áp suất lớn, chống ăn mòn kim loại cho các khí CO2 và H2S. - Làm sạch và đánh bóng bề mặt, loại bỏ bavaria góc cạnh. - Đóng tên lên bề mặt sản phẩm 2’’-6 EASTERN PIN. - Xử lý bề mặt kim loại bằng phốt phát hóa, tăng tính chống ăn mòn và chống rỉ sét. - Tham khảo mẫu ren tại XN Địa vật lý.
2.3	Nút bịt thử áp suất cao cho Turn Around Sheave hãng Exwell	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren tiêu chuẩn 2’’-6Acme Pin (Ren ngoài) - Vật liệu : AISI-4140 - Chiều cao tổng thể : 150mm. - Tính chất lý hóa : Cứng, chịu nhiệt độ cao, áp suất lớn, chống ăn mòn kim loại cho các khí CO2 và H2S. - Làm sạch và đánh bóng bề mặt, loại bỏ bavaria góc cạnh. - Đóng tên lên bề mặt sản phẩm 2’’-6 EXWELL PIN. - Xử lý bề mặt kim loại bằng phốt phát hóa, tăng tính chống ăn mòn và chống rỉ sét. - Tham khảo mẫu ren tại XN Địa vật lý.
2.4	Dụng cụ kẹp ống Lubricator - GICH khi treo Turn Around Sheave	Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết : Bộ Kẹp ống Lubricator khi làm việc với Turn Around Sheave cho 2 loại ống 2.5 inch và 3 inch. - Kích thước : theo bản vẽ đính kèm. - Vật liệu : thép cứng dày 8mm và 10mm (<i>theo yêu cầu bản vẽ</i>). - Ống Lubricator có đường kính ngoài 100mm phải được kẹp chặt (<i>Phần kẹp ống Lubricator</i>). - Ống GICH có đường kính ngoài 50mm phải được kẹp chặt (<i>Phần kẹp ống GICH</i>). - Ốp nhựa 2 nửa dùng cho ống 2.5 inch có đường kính trong 90mm khi dùng kẹp ống phải được siết chặt (<i>Đường kính ngoài ống 2.5’’ là 84mm</i>). - Làm xong phần thô bộ kẹp (01 bộ trước) sẽ cho kiểm tra thử, sau đó hoàn thiện toàn bộ. - Tham khảo tại XN Địa vật lý.
2.5	Crossover chuyển tiếp 8.375’’-4Acme	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren tiêu chuẩn 8.375’’-4Acme (SD 5.25’’) - Otis pin & collar đến 5.75’’-4Acme (SD 4’’) - Otis Box. ID 4’’. - Vật liệu : AISI-4140 - Chiều cao tổng thể : 400mm. - Tính chất lý hóa : Cứng, chịu nhiệt độ cao, áp suất lớn, chống ăn mòn kim loại cho các khí CO2 và H2S.



			<ul style="list-style-type: none"> - Khoan lỗ 4xø 12mm xung quanh Collar xoay ren. <i>(Khoan lỗ đối diện theo hình chữ thập. Mục đích dùng khóa để xoay).</i> - Tăng độ nhám lên bề mặt Collar xoay ren. - Làm sạch và đánh bóng bề mặt, loại bỏ bavaria góc cạnh. - Đóng tên lên bề mặt sản phẩm theo kích thước ren tiêu chuẩn. - Xử lý bề mặt kim loại bằng phốt phát hóa, tăng tính chống ăn mòn và chống rỉ sét. - Cấp chứng chỉ kiểm định Test thiết bị. - Tham khảo mẫu ren tại XN Địa vật lý.
2.6	Crossover chuyển tiếp 5.75’’-4Acme	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren tiêu chuẩn 5.75’’-4Acme (SD 4’’) Otis pin & collar đến 6.125’’-4x2Acme (SD 4.75’’) Elmal lightweight Box. ID : 4’’ - Vật liệu : AISI-4140 - Chiều cao tổng thể : 400mm. - Tính chất lý hóa : Cứng, chịu nhiệt độ cao, áp suất lớn, chống ăn mòn kim loại cho các khí CO2 và H2S. - Khoan lỗ 4xø 12mm xung quanh Collar xoay ren. <i>(Khoan lỗ đối diện theo hình chữ thập. Mục đích dùng khóa để xoay).</i> - Tăng độ nhám lên bề mặt Collar xoay ren. - Làm sạch và đánh bóng bề mặt, loại bỏ bavaria góc cạnh. - Đóng tên lên bề mặt sản phẩm theo kích thước ren tiêu chuẩn. - Xử lý bề mặt kim loại bằng phốt phát hóa, tăng tính chống ăn mòn và chống rỉ sét. - Cấp chứng chỉ kiểm định Test thiết bị. - Tham khảo mẫu ren tại XN Địa vật lý.
2.7	Nắp cầu BOP ren 4.75’’	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ngoài: 135mm. - Kích thước ren theo tiêu chuẩn 4.75’’-4Acme. <i>(Nắp cầu ren trong loại 01 đầu mới).</i> - Vật liệu thép CT45, chịu mài mòn và môi trường nước biển. - Nắp có tai cầu loại xoay tự do, lắp được ma ní 4.75 tấn và 6.5 tấn. - Tạo nhám bề mặt xung quanh nắp xoay. - Bo tròn các góc cạnh. - Khoan 04 lỗ Ø10mm đối diện trên thân nắp. <i>(Mục đích: dùng công cụ để tháo-mở nắp).</i> - GW: 2 tấn. - Sơn chống rỉ và sơn phủ xanh dương. - Cấp chứng chỉ kiểm định thiết bị nâng hạ. - Khảo sát tại XN Địa vật lý.
2.8	Chân ren Crossover 4.75’’-4Acme	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren theo tiêu chuẩn 4.75’’-4Acme “BOWEN” Box. Loại ren ngoài 01 mỗi ren. - Đường kính lỗ trong chân ren: Ø98mm - Chiều cao ren lắp: 80mm. - Đế chân ren: Ø150mm, dày: 10mm. - Chiều cao tổng thể chân ren: 130mm. - Có khoan 02 lỗ thoát nước phía dưới chân bên hông



			<p>chân ren.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu thép. - Bo tròn các góc cạnh. Sơn phủ xanh dương (<i>Không sơn phần ren lắp</i>). - Khảo sát tại XN Địa vật lý.
2.9	Chân ren Crossover 6.125"-4x2Acme	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren theo tiêu chuẩn 6.125"-4x2Acme "Light weight Elmar" Box. Loại ren ngoài 02 đầu mỗi. - Đường kính lỗ trong chân ren: Ø124mm - Chiều cao ren lắp: 90mm. - Đế chân ren: Ø205mm, dày: 10mm. - Chiều cao tổng thể chân ren: 150mm. - Có khoan 02 lỗ thoát nước phía dưới chân bên hông chân ren. - Vật liệu thép. - Bo tròn các góc cạnh. Sơn phủ xanh dương (<i>Không sơn phần ren lắp</i>). - Khảo sát tại XN Địa vật lý.
2.10	Chân ren Crossover 6.5"-4Acme	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ren theo tiêu chuẩn 6.5"-4Acme "OTIS" Box. Loại ren ngoài 01 mỗi ren. - Đường kính lỗ trong chân ren: Ø130mm. - Chiều cao ren lắp: 90mm. - Đế chân ren: Ø210mm, dày: 10mm. - Chiều cao tổng thể chân ren: 150mm. - Có khoan 02 lỗ thoát nước phía dưới chân bên hông chân ren. - Vật liệu thép. - Bo tròn các góc cạnh. Sơn phủ xanh dương (<i>Không sơn phần ren lắp</i>). - Khảo sát tại XN Địa vật lý.
2.11	Đuôi súng TTG-43	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước đường kính lớn nhất Ø43, tổng chiều dài cả chốt L= 90mm; Vật liệu: Gang cầu, chốt bằng đồng. - Làm việc trong môi trường giếng khoan, nhiệt độ 180oC, áp suất 600at.
2.12	Thanh lắp kíp TTG-43	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước đường kính lớn nhất Ø30, tổng chiều dài cả chốt L= 190mm; Vật liệu: thép CT5. - Làm việc trong môi trường giếng khoan, nhiệt độ 180oC, áp suất 600at.
2.13	Cây đóng côn HLS	Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Một bộ gồm cây đóng côn trong và ngoài; - Cây đóng côn trong: đường kính lớn nhất Ø20, chiều dài L= 185; Lỗ suốt Ø7; - Cây đóng côn ngoài: đường kính lớn nhất Ø20, chiều dài L= 168; Lỗ suốt Ø9.5; - Vật liệu: thép 45, bề mặt đóng côn có độ cứng cao, chịu mài mòn.
2.14	Má đồng bộ rửa cáp Wireline Air Wiper	Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Loại L-5738 Core Lube USA - Tham khảo theo mẫu đang sử dụng tại XN;

6. XUẤT XỨ HÀNG HÓA:

- Châu Á hoặc các vùng địa lý khác.



7. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG:

- Thời gian giao hàng: không quá 02 lần trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: tại kho XN Địa vật lý GK.
- Chào thầu sẽ được đánh giá theo nhóm như trong bảng Danh mục. Chào thầu chỉ được đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật cho một nhóm nếu chào đủ số lượng và đạt yêu cầu kỹ thuật của tất cả các mục trong nhóm đó.

8. YÊU CẦU ĐÓNG GÓI HÀNG VÀ TÀI LIỆU KÈM THEO:

- Vật tư thiết bị được cung cấp phải được đóng gói theo các tiêu chuẩn quốc tế cho đóng gói xuất khẩu, phù hợp với bản chất của hàng hoá và thuận tiện cho việc vận chuyển.
- Việc đóng gói hàng phải đảm bảo an toàn cho vật tư, tránh hư hại trong quá trình vận chuyển và tiện lợi cho việc bốc dỡ.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA VẬT TƯ VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO:

- Thiết bị cung cấp phải được đánh giá là phù hợp theo những tiêu chuẩn của Vietsovpetro đã đưa ra dựa trên những yêu cầu ở các mục trên.
- Các vật tư thiết bị phải được kiểm tra và thử nghiệm theo yêu cầu kỹ thuật tại XN Địa vật lý GK.

10. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT:

- Bản vẽ chi tiết và qui trình công nghệ chế tạo, kiểm tra sản phẩm cho các mục hàng gia công trong nước.



TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT “ĐẠT/KHÔNG ĐẠT”

Tên vật tư: VẬT TƯ THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐỊA VẬT LÝ

STT	Tên gọi các tiêu chí	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	DANH MỤC VÀ QUY CÁCH KỸ THUẬT CỦA VẬT TƯ			
1	Phù hợp với điều kiện kỹ thuật sử dụng vật tư			Mục 2 trong YCKT
2	Phù hợp với yêu cầu chung.			Mục 3 trong YCKT
3	Phù hợp với năm sản xuất			Mục 3 trong YCKT
4	Thời gian bảo hành cho vật tư			Mục 3 trong YCKT
5	Phù hợp với yêu cầu về các đặc điểm kỹ thuật chính.			Mục 5 trong YCKT
II	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN CÁC NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG			
6	Thời gian giao hàng. Địa điểm giao hàng. Số lần gửi hàng.			Mục 7 trong YCKT
7	Số lượng hàng hóa. Đóng gói hàng hóa.			Mục 8 trong YCKT
8	Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và an toàn môi trường			Mục 9 trong YCKT



9	Cung cấp các tài liệu kỹ thuật.			Mục 10 trong YCKT
10	Cung cấp chứng chỉ			Mục 2.5, 2.6, 2.7 trong YCKT

Các tiêu chí khác:

1- Chào hàng được coi là đáp ứng YCKT: Tất cả các tiêu chí đều **Đạt**

